TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 184/2024/DS-ST
Ngày 27/9/2024
Về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH TÂY NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Song Tố Như

- Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Trần Hữu Thiện;

+ Bà Nguyễn Thị Kim Đào.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đỗ Ngọc Vinh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Võ Công Đức – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 562/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2023, thụ lý bổ sung ngày 26 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 209/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Kiều Kim H, sinh năm 1959; địa chỉ: ấp T, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Võ Văn S, sinh năm 1971; địa chỉ: khu phố X, Phường Y, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; (Văn bản ủy quyền đề ngày 28/3/2024) (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Chị Phan Thị Ngọc T, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp T, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Chị Phan Thị Ngọc T là hụi viên tham gia các dây hụi do bà H làm chủ thảo. Trong suốt thời gian từ năm 2020 cho đến hết tháng 2/2023AL (nhuần), chị Phan Thị Ngọc T tham gia khoảng 15 dây hụi, sau khi hốt xong thì chị T có đóng lại hụi chết một phần, một phần nợ lại. Ngoài ra chị T còn mượn hụi của các hụi viên khác nhưng khi mãn hụi thì không đóng lại tiền hụi và không đóng tiền bù lỗ mượn hụi cho hụi viên khác, từ đó bà H phải trả choàng cho chị T, đồng thời chị T còn nhờ bà H mượn tiền cho chị T. Cụ thể như sau:

Về các dây hụi:

1- Dây hụi 5.000.000 đồng/tháng: khui hụi ngày 25/2/2020AL, hụi mãn ngày 25/11/2022AL; Có 22 phần; Chị T tham gia 01 phần;

Hốt kỳ thứ 3 vào ngày 25/4/2020 AL; kêu 1.600.000 đồng, hốt hụi được 72.100.000 đồng;

Đóng được 01 kỳ hụi chết kỳ thứ 4 ngày 25/5/2020AL, còn nợ lại 18 kỳ hụi chết tính từ kỳ thứ 5 ngày 25/5/2020AL cho đến mãn hụi ngày 25/11/2022 AL = 18 kỳ x 5.000.000 đồng = **90.000.000 đồng;**

2- Dây hụi 5.000.000 đồng/tháng: khui hụi ngày 15/8/2020AL, hụi mãn ngày 15/5/2023AL (Trừ 02 kỳ ngày 15/6 và 15/7/2021AL do dịch Côvid); Có 31 phần; Chị T tham gia 02 phần;

+ Hốt kỳ 01 vào ngày 15/8/2020 AL, hụi kêu 1.450.000 đồng,; Hốt được 104.000.000 đồng;

+ Hốt kỳ thứ 7 vào ngày 15/02/2021, hụi kêu 1.500.000 đồng; Hốt được 111.500.000 đồng;

Chị T đóng hụi đầy đủ đến hết kỳ thứ 10, nợ hụi từ kỳ thứ 11 trở đi. Như vậy, chị T còn nợ lại 21 kỳ hụi chết x 5.000.000 đồng x 2 phần = **210.000.000 đồng**

3- Dây hụi 5.000.000 đồng/tháng. Hụi khui ngày 02/4/2020AL; mãn hụi ngày 02/6/2022AL(Trừ 01 kỳ ngày 02/7/2021AL do dịch Côvid) ; Có 26 phần; Chị T tham gia 02 phần;

+ Hốt kỳ 02 vào ngày 02/5/2020AL, hụi kêu 1.720.000 đồng; Hốt được 81.220.000 đồng;

+ Hốt kỳ thứ 10 ngày 02/01/2021AL, hụi kêu 1.600.000 đồng; Hốt được 96.900.000 đồng;

Chị T đóng hụi đầy đủ đến hết kỳ thứ 15, nợ hụi từ kỳ thứ 16 trở đi. Như vậy, chị T còn nợ lại 11 kỳ hụi chết x 5.000.000 đồng x 2 phần = **110.000.000 đồng**

4- Dây hụi 3.000.000 đồng/tháng, khui hụi ngày 05/02/2020AL, hụi mãn ngày 05/4/2022AL; Có 26 phần; Chị T tham gia 02 phần;

+ Hốt kỳ 02 vào ngày 05/3/2020AL, số tiền kêu là 1.150.000 đồng,; Hốt được 45.900.000 đồng;

+ Hốt kỳ 03 vao ngày 05/4/2020AL, số tiền kêu 1.180.000 đồng; Hốt được 46.360.000 đồng;

Chị T đóng hụi đầy đủ đến hết kỳ thứ 16, nợ hụi từ kỳ thứ 17 trở đi. Như vậy, chị T nợ lại 10 kỳ hụi chết x 3.000.000 đồng x 2 phần = **60.000.000 đồng**

5- Dây hụi 3.000.000 đồng/tháng, khui hụi ngày 20/5/2021AL, hụi mãn ngày 20/4/2023AL (ngưng 01 kỳ tháng 6/2021 do dịch Côvid); Có 24 phần; Chị T tham gia 01 phần;

+ Hốt kỳ 05 vào ngày 20/10/2021AL, hụi kêu 1.100.000 đồng; Hốt được 49.900.000 đồng;

Chị T đóng hụi đầy đủ cho đến hết kỳ 8, ngưng đóng hụi từ kỳ 9 đến mãn. Như vậy, chị T còn nợ lại 16 kỳ hụi chết x 3.000.000 đồng = **48.000.000 đồng**

6- Hụi 2.000.000 đồng/tháng. Khui ngày 25/3/2021AL, mãn 25/01/2023AL; Có 22 phần; chị T tham gia 02 phần;

+ Hốt kỳ 01 ngày 25/3/2021AL, hụi kêu 650.000 đồng,; Hốt được 27.350.000 đồng;

+ Hốt kỳ 05 vào ngày 25/7/2021AL, hụi kêu 700.000 đồng; Hốt được 28.400.000 đồng;

Chị T đóng hụi đầy đủ đến hết kỳ thứ 14, nợ hụi từ kỳ thứ 15 trở đi. Như vậy, chị T nợ lại 08 kỳ hụi chết x 2.000.000 đồng x 2 phần = **32.000.000 đồng**

7- Hụi 2.000.000 đồng/ ½ tháng; Tháng khui 02 lần vào ngày 15 và ngày 30 hàng tháng. Khui ngày 15/7/2020AL, mãn 15/01/2022AL(ngưng 02 kỳ tháng 6/2021 và 01 kỳ tháng 7/2021 do dịch Cô vid); Có 34 phần; Tuyết tham gia 02 phần;

+ Hốt kỳ 01 ngày 15/7/2020AL, hụi kêu 530.000 đồng; Hốt được 47.510.000 đồng;

+ Hốt kỳ 03 ngày 15/8/2020AL, hụi kêu 560.000 đồng; Hốt được 47.640.000 đồng;

Chị T đóng hụi đầy đủ đến hết kỳ thứ 20, nợ hụi từ kỳ thứ 21 trở đi. Như vậy, chị T nợ lại 14 kỳ hụi chết x 2.000.000 đồng x 2 phần = **56.000.000 đồng**

8- Hụi 2.000.000 đồng/tháng. Khui ngày 15/9/2020AL, mãn 15/02/2023AL; (Trừ 02 kỳ ngày 15/6 và 15/7/2021AL do dịch Côvid); Có 28 người tham gia; Tuyết tham gia 01 chân hụi;

+ Hốt kỳ 04 vào ngày 15/12/2020AL, số tiền kêu là 700.000 đồng,; Hốt được 36.200.000 đồng;

Chị T đóng hụi đầy đủ đến hết kỳ thứ 20, nợ hụi từ kỳ thứ 21 trở đi. Như vậy, chị T nợ lại 08 kỳ hụi chết x 2.000.000 đồng = **16.000.000 đồng**

9- Hụi 2.000.000 đồng/½ tháng; Tháng khui 02 lần vào ngày 10 và ngày 25 hàng tháng, hụi khui ngày 10/11/2020AL, mãn ngày 25/12/2021AL (ngưng 02 kỳ tháng 6/2021 do dịch Côvid); Có 26 phần; chị T tham gia 01 phần;

+ Hốt kỳ 01 vào ngày 10/11/2020AL, hụi kêu 650.000 đồng; Hốt được 32.750.000 đồng;

Chị T đóng hụi đầy đủ đến hết kỳ thứ 15, nợ hụi từ kỳ thứ 16 trở đi. Như vậy, chị T còn nợ lại 11 kỳ hụi chết x 2.000.000 đồng = **22.000.000 đồng**

10- Hụi 1.000.000 đồng/½ tháng; Tháng khui 02 lần vào ngày 02 và ngày 17 hàng tháng, hụi khui ngày 17/4/2020AL, mãn ngày 02/6/2021AL; Có 28 phần; chị T tham gia 02 phần;

+ Hốt kỳ 03 vào ngày 17/5/2020AL, hụi kêu 320.000 đồng; Hốt được 18.500.000 đồng;

+ Hốt kỳ 06 vào ngày 02/7/2020AL, hụi kêu 220.000 đồng; Hốt được 21.660.000 đồng;

Chị T đóng hụi đầy đủ đến hết kỳ thứ 25, nợ hụi từ kỳ thứ 26 trở đi. Như vậy, chị T còn nợ lại 03 kỳ hụi chết x 1.000.000 đồng x 02 phần = **6.000.000 đồng**

11- Hụi 1.000.000 đồng/½ tháng; Tháng khui 02 lần vào ngày 12 và ngày 27 hàng tháng, hụi khui ngày 27/4/2020AL, mãn ngày 12/6/2021AL; Có 28 phần; chị T tham gia 02 phần;

+ Hốt kỳ 01 vào ngày 27/4/2020AL, hụi kêu 320.000 đồng; Hốt được 17.860.000 đồng;

+ Hốt kỳ 06 vào ngày 12/7/2020AL, hụi kêu 220.000 đồng; Hốt được 21.660.000 đồng;

Chị T đóng hụi đầy đủ đến hết kỳ thứ 25, nợ hụi từ kỳ thứ 26 trở đi. Như vậy, chị T còn nợ lại 03 kỳ hụi chết x 02 phần x 1.000.000 đồng = **6.000.000 đồng**

12- Hụi 1.000.000 đồng/½ tháng; Tháng khui 02 lần vào ngày 10 và ngày 25 hàng tháng, hụi khui ngày 25/7/2020AL, mãn ngày 25/12/2021AL(ngưng 02 kỳ tháng 6/2021 và 01 kỳ tháng 7/2021 do dịch Cô vid); Có 32 phần; chị T tham gia 02 phần;

+ Hốt kỳ 7 vào ngày 25/10/2020AL, hụi kêu 240.000 đồng; Hốt được 24.500.000 đồng;

+ Hốt kỳ 12 vào ngày 10/01/2020AL, hụi kêu 300.000 đồng; Hốt được 24.500.000 đồng;

Chị T đóng hụi đầy đủ đến hết kỳ thứ 19, nợ hụi từ kỳ thứ 20 trở đi. Như vậy, chị T còn nợ lại 13 kỳ hụi chết x 1.000.000 đồng x 02 phần = **26.000.000 đồng**

13- Hụi 1.000.000 đồng/½ tháng; Tháng khui 02 lần vào ngày 10 và ngày 25 hàng tháng, hụi khui ngày 10/11/2020AL, mãn ngày 25/12/2021AL (ngưng 02 kỳ tháng 6/2021 do dịch Cô vid); Có 26 người tham gia; chị T tham gia 01 phần;

+ Hốt kỳ 01 vào ngày 10/11/2020AL, hụi kêu 300.000 đồng; Hốt được 17.000.000 đồng;

Chị T đóng hụi đầy đủ đến hết kỳ thứ 12, nợ hụi từ kỳ thứ 13 trở đi. Như vậy, chị T còn nợ lại 14 kỳ hụi chết x 1.000.000 đồng = **14.000.000 đồng**

14- Hụi tuần chủ nhật hàng tuần; 200.000 đồng/tuần; Tháng khui 04 lần. Khui ngày ngày 26/12/2020AL, mãn ngày 26/9/2021AL (có ngưng 11 kỳ do dịch Covid từ tháng 6/2021 đến hết tháng 7/2021); Có 30 người tham gia chia thành 10 dây; chị T tham gia 18 phần;

+ Hốt 10 phần kỳ 01 vào ngày 26/12/2020AL, hụi kêu 50.000 đồng; Hốt được 42.500.000 đồng; Tôi giải thích cách tính hụi tuần như sau: Chị T hốt đầu nên số tiền hụi sống của 01 dây là 150.000 đồng x 29 phần sống = 4.350.000, trừ tiền cò 100.000 đồng, còn 4.250.000 đồng. Tổng cộng gồm 10 dây hụi nên tổng số tiền chị T hốt là 4.250.000 đồng x 10 dây = 42.500.000 đồng

+ Hốt 08 phần kỳ 02 vào ngày 03/3/2021AL, hụi kêu 50.000 đồng; Hốt được 34.400.000 đồng;

Chị T đóng hụi đầy đủ đến hết kỳ thứ 16, nợ hụi từ kỳ thứ 17 trở đi. Như vậy, chị T còn nợ lại 14 kỳ hụi chết x 200.000 đồng x 18 phần = **50.400.000 đồng**

15- Hụi tuần thứ sáu hàng tuần; 200.000 đồng/tuần; Tháng khui 04 lần. Khui ngày 05/3/2021AL, mãn ngày 12/12/2021AL (có ngưng 11 kỳ do dịch Covid từ tháng 6/2021 đến hết tháng 7/2021); Có 30 người tham gia chia thành 10 dây hụi; chị T tham gia 10 phần;

+ Hốt kỳ 01 hết 10 phần vào ngày 05/3/2021AL, hụi kêu 50.000 đồng; Hốt được 42.500.000 đồng;

Chị T đóng hụi đầy đủ đến hết kỳ thứ 14, nợ hụi từ kỳ thứ 15 trở đi. Như vậy, chị T còn nợ lại 16 kỳ hụi chết x 200.000 đồng x 10 phần = **32.000.000 đồng**

16- Hụi tuần thứ tư hàng tuần; 200.000 đồng/tuần; Tháng khui 04 lần. Khui ngày 28/5/2021AL, mãn 05/3/2022AL (có ngưng 11 kỳ do dịch Covid từ tháng 6/2021 đến hết tháng 7/2021); Có 30 người tham gia chia thành 10 dây hụi; Tuyết tham gia 10 phần;

+ Hốt kỳ 01 vào ngày 28/5/2021AL, hụi kêu 50.000 đồng,; Hốt được 42.500.000 đồng;

Chị T đóng hụi đầy đủ đến hết kỳ thứ 02, nợ hụi từ kỳ thứ 03 trở đi. Như vậy, chị T còn nợ lại nợ lại 28 kỳ hụi chết x 200.000 đồng x 10 phần = **56.000.000 đồng**

Tổng số tiền mà chị Phan Thị Ngọc T đã hốt hụi nhưng chưa đóng cho bà H là 90.000.000 đồng + 210.000.000 đồng + 110.000.000 đồng + 60.000.000 đồng + 48.000.000 đồng + 32.000.000 đồng + 56.000.000 đồng + 16.000.000 đồng+ 22.000.000 đồng + 6.000.000 đồng + 6.000.000 đồng + 26.000.000 đồng + 14.000.000 đồng + 50.400.000 đồng + 32.000.000 đồng + 56.000.000 = 834.400.000 đồng.

Tuy nhiên, quá trình chốt số tiền nợ hụi với chị T vào ngày 05/12/2021, bà H có cộng số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng chị T mượn bà H vào ngày 10/10/2021 AL vào số tiền nợ hụi bởi vì chị T mượn số tiền 30.000.000 đồng sau khi đã chốt tiền vay vào ngày 01/10/2021 AL. Ngoài ra, vào thời gian cụ thể nào thì bà H không nhớ rõ nhưng đến kỳ chị T đóng hụi chết, do mang thiếu tiền nên có đề nghị bà H cho mượn tiền để đóng cho đủ tiền hụi chết, bà H có cho chị T mượn thêm số tiền 17.855.000 (mười bảy triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn) đồng để đóng choàng hụi chết cho chị T. Số tiền này cũng phát sinh sau ngày 01/10/2021 AL nên cả hai thống nhất chốt vào tờ tiền hụi nợ lại đề ngày 05/12/2021.

Tổng cộng, theo tờ tiền hụi nợ lại đề ngày 05/12/2021, chị T còn phải trả lại cho bà H số tiền 834.400.000 + 30.000.000 + 17.855.000 = 882.255.000 (tám trăm tám mươi hai triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn) đồng.

Về tiền mượn:

1- Ngày 20/3/2019AL bà H mượn của bà Bảy Trưởng đưa chị T 80.000.000 đồng;

2- Ngày 13/4/2020AL bà H mượn của Bé đưa chị T 35.000.000 đồng

3- Ngày 14/5/2020AL bà H mượn của Bảo Hương đưa chị T 50.000.000 đồng;

4- Ngày 23/5/2020AL bà H mượn của Hồng đưa chị T 30.000.000đồng;

5-Ngày 01/10/2020AL, bà H mượn của 6 Thơm đưa chị T 34.000.000 đồng;

Cùng ngày 01/10/2020AL, bà H và chị T có lập giấy chốt số tiền mượn là 229.000.000 (hai trăm hai mươi chín triệu) đồng.

Đến ngày 10/10/2020AL, bà H tiếp tục cho chị T mượn 30.000.000 đồng và bà H có cho chị T mượn số tiền 17.855.000 đồng để đóng cho đủ tiền hụi chết nhưng hai bên đã lập giấy chốt tiền mượn nên hai bên thống nhất chốt các số tiền mượn sau ngày 01/10/2020AL vào tờ tiền hụi nợ lại đề ngày 05/12/2021.

Như vậy trong suốt quá trình tham gia chơi hụi, chị T đã tham gia tổng cộng 16 dây hụi, đa phần hụi đều do chị T hốt đầu tiên sau đó đóng hụi chết nhưng không đóng đủ, ngoài ra chị T còn mượn hụi của người khác nhưng khi mãn hụi lại không trả tiền cho hụi viên nên bà H phải đóng choàng. Ngoài ra chị T còn mượn tiền bà H nhưng đến nay chưa thanh toán.

Chị T có ký tên vào tờ tiền hụi nợ lại đề ngày 05/12/2021 (bút lục số 25) và tờ tiền mượn đề ngày 01/10/2020 (bút lục số 24). Tổng cộng chị T còn nợ tiền hụi và tiền mượn là: 882.255.000 + 229.000.000 = 1.111.255.000 (Một tỷ một trăm mười một triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn) đồng

Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu chị Phan Thị Ngọc T có trách nhiệm trả cho bà Kiều Kim H số tiền hụi và tiền mượn là 1.111.255.000 (Một tỷ một trăm mười một triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn) đồng. Bà H không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án và tại biên bản lấy lời khai, bị đơn trình bày:

Chị T không có quan hệ bà con, họ hàng gì với bà H, chỉ có mối quan hệ quen biết do tham gia dây hụi bà H làm chủ thảo. Chị T thừa nhận bắt đầu tham gia dây hụi của bà H từ năm 2016 nhưng không xác định được chính xác các dây hụi chị tham gia. Chị T thừa nhận tham gia rất nhiều dây hụi, có dây đã mãn, có dây còn 01 nửa, có dây còn khoảng 02, 03 tháng nữa thì mãn, có tham gia cả hụi tuần, hụi nửa tháng. Nay, chị T Chị T xác định còn nợ bà H khoảng 305.000.000 đồng tiền hụi chết.

Về tiền mượn, chị T thừa nhận có ký tên nhận nợ các số tiền 50.000.000 đồng mượn của B, 30.000.000 mượn của H, 80.000.000 mượn của T1, 35.000.000 đồng mượn của B2. Riêng số tiền 34.000.000 đồng của S thì bà H tự mượn để đóng hụi chết choàng chứ chị T không hề gặp mặt, ký tên hay nhận tiền gì. Số tiền 30.000.000 đồng ngày 10/10/2021 AL thì không phải mượn của bà H mà là mượn của bà T1. Tuy nhiên, tất cả các số tiền mượn trên, chị T xác định đã hốt hụi trả rồi. Tức là đến kỳ chị được hốt hụi, bà H không đăng hụi cho chị mà dùng tiền chị T được hốt hụi để trả qua số tiền mượn. Riêng số tiền 35.000.000 đồng mượn của Bé thì đã trả rồi, nguồn tiền để trả là từ số tiền 80.000.000 đồng mượn của bà Bảy Trưởng ngày 20/3/2021AL.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, chị T xác định chỉ còn nợ bà H tiền hụi chết 305.000.000 đồng. Nếu bà H đồng ý thì chị T thống nhất trả bà H số tiền 500.000.000 đồng, gồm tiền gốc là 305.000.000 đồng và 195.000.000 đồng là tiền lãi phát sinh kể từ thời điểm chị ngưng đóng hụi đến nay. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 31/7/2024, chị T đồng ý trả lại bà H số tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán đã ban hành các quyết định, cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật, Thẩm phán đã giải thích đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự. Các đương sự chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Phan Thị Ngọc T có trách nhiệm trả cho bà Kiều Kim H số tiền 1.111.255.000 (Một tỷ một trăm mười một triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn) đồng. Ghi nhận bà H không yêu cầu tính lãi. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết án phí theo quy định của pháp luật. Đề nghị đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Kiều Kim H đối với chị Phan Thị Ngọc T về số tiền 108.460.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về yêu cầu khởi kiện: Ngày 26/4/2024, bà H có đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu chị Phan Thị Ngọc T có trách nhiệm trả lại cho bà H số tiền 108.460.000 (một trăm lẻ tám triệu bốn trăm sáu mươi nghìn) đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, bà H có đơn xin tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện bổ sung về việc yêu cầu chị Phan Thị Ngọc T có trách nhiệm trả lại cho bà H số tiền 108.460.000 (một trăm lẻ tám triệu bốn trăm sáu mươi nghìn) đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận và đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà H.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Kiều Kim H khởi kiện chị Phan Thị Ngọc T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi, là hợp đồng dân sự, tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là chị Phan Thị Ngọc T có hộ khẩu thường trú tại xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện D theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà H vắng mặt, đã ủy quyền cho ông S tham gia tố tụng, ông S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Phan Thị Ngọc T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật

[2] Về chứng cứ: Tại phiên toà, các đương sự không cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ mới nên Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu chứng cứ các đương sự đã giao nộp và Toà án đã thu thập theo khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Bà H khởi kiện đối với chị Phan Thị Ngọc T và cung cấp bản chính tờ tiền hụi nợ lại đề ngày 05/12/2021 (bút lục số 25) và tờ tiền mượn đề ngày 01/10/2020 (bút lục số 24) có chữ ký, chữ viết của chị Phan Thị Ngọc T, thể hiện chị T thừa nhận nợ đối với số tiền nợ hụi là 882.255.000 (tám trăm tám mươi hai triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn) đồng và số tiền vay là 229.000.000 (hai trăm hai mươi chín triệu) đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà H và chị T đều thống nhất việc chị T là hụi viên tham gia các dây hụi do bà H là chủ thảo, giữa bà H và chị T cũng xác lập các giao dịch vay tiền, mục đích để choàng tiền hụi. Đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử căn cứ sự thừa nhận của các đương sự xác định giao dịch góp hụi, giao dịch vay tài sản giữa hai bên là có thật.

[3.2] Về số tiền hụi, bà H yêu cầu chị T phải trả lại số tiền nợ hụi là 882.255.000 (tám trăm tám mươi hai triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn) đồng theo như nội dung thể hiện tại tờ tiền hụi nợ lại đề ngày 05/12/2021 (bút lục số 25). Về phía bị đơn, ban đầu, chị T không thừa nhận chữ ký, chữ viết tại tờ tiền hụi nợ lại đề ngày 05/12/2021 (bút lục số 25), tuy nhiên, tại Biên bản lấy lời khai ngày 31/7/2024 (bút lục số 83) chị T thừa nhận các chữ ký, chữ viết trong tài liệu trên là chữ ký chữ viết của chị T. Chị T trình bày do sơ suất nên khi ký tên, viết tên lại viết xuống phía dưới, còn chừa chỗ trống ở phía trên, từ đó, bà H tự ý viết thêm các con số vào để buộc chị trả số tiền nhiều hơn số nợ thực tế giữa chị và bà H. Hội đồng xét xử thấy rằng chị T thừa nhận có tham gia dây hụi của bà H và nợ lại một số tiền hụi chết, tuy nhiên, chị không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh các dây hụi nào, không chứng minh được lời trình bày của mình. Tại tài liệu chứng cứ tờ tiền hụi nợ lại đề ngày 05/12/2021 (bút lục số 25) có chữ ký, chữ viết nhận nợ của chị Phan Thị Ngọc T, do đó, có căn cứ xác định chị T còn nợ bà H số tiền hụi thể hiện tại tờ tiền hụi nợ lại đề ngày 05/12/2021 (bút lục số 25). Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự, buộc chị T trả lại cho bà H số tiền 882.255.000 (tám trăm tám mươi hai triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn) đồng

[3.3] Về tiền vay, bà H yêu cầu chị T có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 229.000.000 (hai trăm hai mươi chín triệu) đồng thể hiện tại tờ tiền mượn đề ngày 01/10/2020 (bút lục số 24). Chị T xác định đã hốt hụi trả rồi nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, mặt khác, tại

Biên bản lấy lời khai ngày 31/7/2024 (bút lục số 83), chị T thừa nhận các chữ ký, chữ viết trong tài liệu trên là chữ ký chữ viết của chị T. Do đó có căn cứ xác định chị T còn nợ bà H số tiền 229.000.000 đồng. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 466, 469 của Bộ luật Dân sự, buộc chị T trả lại cho bà H số tiền vay là 229.000.000 (hai trăm hai mươi chín triệu) đồng.

Như vậy, từ [3.2] và [3.3], Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, 469, 471 của Bộ luật Dân sự, buộc chị Phan Thị Ngọc T có trách nhiệm trả cho bà Kiều Kim H số tiền 882.255.000 + 229.000.000 = 1.111.255.000 (Một tỷ một trăm mười một triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn) đồng

[3.4] Đối với số tiền lãi, bà H không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 469, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kiều Kim H đối với chị Phan Thị Ngọc T về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hụi*"

Chị Phan Thị Ngọc T có nghĩa vụ trả lại cho bà Kiều Kim H số tiền số tiền 1.111.255.000 (Một tỷ một trăm mười một triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn) đồng. Ghi nhận bà H không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Kiều Kim H đối với chị Phan Thị Ngọc T về số tiền 108.460.000 đồng.

3. Về án phí: Chị Phan Thị Ngọc T phải chịu 45.337.650 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện DMC
- Chi cục THADS huyện DMC
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Song Tố Như